

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỶ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 6

Lúc đó vua trời Phạm thiên bạch Phật: “Thế tôn, tuy các chúng sanh ở thế gian có sanh, già như nhau, nhưng căn tánh có thượng trung hạ, lợi độn sai khác nhau. Có chúng sanh hình tướng đoan chánh, tánh hạnh điều thuận, ít phiền não lậu hoặc và các loại phiền não lậu hoặc cũng ít, chỉ vì không nghe pháp nên hiểu biết cạn hẹp. Giống như các loại hoa sen: hoa Ba đầu ma, hoa Ưu bát la, hoa Phân đà lợi... tuy ở trong nước có sanh, già nhưng căn tánh có thượng trung hạ sai khác. Có loại vượt lên khỏi mặt nước, có loại nằm ngang mặt nước, có loại nằm dưới nước. Chúng sanh cũng vậy, xin Thế tôn hãy vì những người này thuyết pháp, nếu họ nghe được Pháp bảo thì có thể giải ngộ”, Thế tôn nghe rồi liền suy nghĩ: “ta nên dùng Phật nhãn quán sát căn tánh chúng sanh”, nghĩ rồi liền dùng Phật nhãn quán sát, quán thấy tuy các chúng sanh ở thế gian có sanh, già như nhau, nhưng căn tánh có thượng trung hạ, lợi độn sai khác nhau. Có chúng sanh hình tướng đoan chánh, tánh hạnh điều thuận, ít phiền não lậu hoặc và các loại phiền não lậu hoặc cũng ít, chỉ vì không nghe pháp nên hiểu biết cạn hẹp. Thế tôn liền khởi tâm đại bi đối với các hữu tình và nói kệ:

*“Nếu có ai ưa thích nghe pháp,
Ta liền khai mở cửa Cam lồ,
Còn như ngã mạn tự khinh người,
Ta nhất quyết sẽ không vì nói”.*

Vua trời Phạm thiên nghe rồi liền biết Phật sẽ nói chánh pháp, tâm sanh vui mừng đánh lễ Phật, hữu nhiễu ba vòng rồi đi. Lúc đó Phật suy nghĩ nên nói pháp cho ai nghe trước tiên, liền nghĩ đến Ca-la ca là vị A-giá-lợi-da đầu tiên, nhưng chư thiên trên không trung cho biết là Ca-la ca đã chết cách đây bảy ngày rồi. Thế tôn liền dùng Phật nhãn quán thấy vị ấy quả đã chết cách đây bảy ngày, liền nghĩ: “Ca-la ca không

được nghe pháp nên mất lợi ích lớn, nếu được nghe pháp sẽ được lợi ích vô biên”. Phật lại suy nghĩ nên nói pháp cho ai nghe trước tiên, liền nghĩ đến Ớt-đạt-la-ma-tử là vị A-giá-lợi-da thứ hai, nhưng chư thiên trên không trung cho biết vị ấy vừa chết hôm qua. Thế tôn liền dùng Phật nhãn quán thấy vị ấy quả đã chết hôm qua, liền nghĩ: “Ớt-đạt-la-ma-tử không được nghe pháp nên mất lợi ích lớn, nếu được nghe pháp sẽ được lợi ích vô biên”. Phật lại nghĩ đến năm người cùng theo Phật tu khổ hạnh trước kia và đã từng thừa sự cúng dường, Phật liền dùng Phật nhãn quán sát, quán thấy năm người hiện đang ở trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Biết chỗ ở của họ rồi, Phật liền đi đến thành Bà-la-nê-tư nước ca thi na. Trên đường đi, Phật gặp một ngoại đạo tên là Thân cận ; thấy Phật có hình dung đoan nghiêm thanh tịnh liền hỏi: “cụ thọ Kiề-u-đáp-ma có các căn thanh tịnh, sắc tướng đoan chánh ; thầy xuất gia với vị thầy nào và học pháp gì?”, Thế tôn nói kệ:

*“Ta không theo học với thầy nào,
Cũng không ai sánh được với ta.
Thế gian ai đáng được khai ngộ,
Chỉ riêng ta có thể biết rõ,
Thông đạt tất cả vượt thế gian,
Không còn dính mắc vào các pháp,
Xả bỏ tất cả chứng giải thoát.
Tự nhiên giác ngộ, không nhờ thầy.
Xưa nay không ai giống như ta,
Vì ta tự giác ngộ tất cả.
Như lai, đạo sư của trời người,
Đã chứng đầy đủ Nhất thiết trí”.*

Nói kệ xong, Thế tôn đi đến vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư; năm người tu trong rừng từ xa thấy Thế tôn liền cùng lập chế: “Sa môn Kiề-u-đáp-ma này tánh buông lung ngạo mạn, làm tà mạng để đoạn hoặc, đã thối chuyển nên bỏ tu khổ hạnh, ăn những thức ăn ngon như sữa, lạc... dùng dầu thoa thân và tắm bằng nước thơm. Khi Kiề-u-đáp-ma đến chỗ chúng ta, chúng ta sẽ không đứng dậy nghinh đón, đánh lễ cũng không mời ngồi; ông ta có ngồi thì cũng mặc kệ ông ấy, chúng ta không đến gần”, nhưng khi Thế tôn đến gần thì do oai đức của Phật khiến họ không ngăn được lòng tôn trọng, họ liền rời khỏi chỗ ngồi, người mời ngồi, người rót nước mời uống, người lấy nước cho rửa chân, người đỡ lấy y và chào hỏi: “thiện lai Kiề-u-đáp-ma”. Thế

tôn thấy việc này rồi liền tự nghĩ họ mới lập chế mà đã vi phạm, thấy Thế tôn ngồi xong họ liền cúng dường. Lúc đó họ chưa biết Thế tôn đã thành chánh giác nên tâm còn khinh mạn đối với Phật, hễ mở lời đều gọi là Kiêu-đáp-ma hoặc là cụ thọ, Thế tôn liền nói: “các ông đừng gọi Như lai là Kiêu-đáp-ma hoặc là cụ thọ, nếu người nào khinh mạn Như lai thì sẽ mất lợi lớn, sanh ra nơi nào đều chịu khổ não lâu dài, từ nay các ông nên gọi là Như lai Thế tôn”, năm người liền nói: “cụ thọ Kiêu-đáp-ma, trước đây ông tu khổ hạnh còn không được trí chánh giác, cũng không thấy được thiện an lạc trụ. Nay ông đã bỏ tu khổ hạnh, tâm không an định, thọ các thức ăn ngon như sữa lạc... dùng dầu thoa thân và tắm bằng nước nóng thì làm sao có thể thành chánh giác?”, Phật nói: “các ông không thấy các căn và sắc tướng của Như lai hiện nay và trước kia khác nhau hay sao?”, đáp là thấy có khác, Phật nói: “người xuất gia không nên thân cận hai loại tà sư:

1. Là hạng người đam mê thế pháp thấp kém của phạm phu và ưa thích dâm dục.

2. Là hạng người tự làm khổ mình, hay làm điều lầm lỗi.

Pháp của họ tu đều không phải là pháp mà bậc Thánh đã hành trì, vì vậy người xuất gia nên lánh xa hai loại tà sư này. Ta có một pháp trung đạo, nếu ai tu tập theo nhất định sẽ được pháp nhãn thanh tịnh và đại trí huệ, rốt ráo thành tựu Niết-bàn tịch tĩnh của bậc Đẳng chánh giác. Pháp trung đạo đó là bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.”. Lúc đó Thế tôn dùng tâm quyết định nói pháp như thế cho năm người nghe, năm người này chia phiên với nhau: buổi sáng ba người đi khát thực xin đủ thức ăn cho sáu người, hai người ở lại nghe pháp; xế chiều hai người đi khát thực xin đủ thức ăn cho năm người vì Phật quá ngộ không ăn, ba người ở lại nghe pháp. Phật bảo năm người: “pháp Khổ Thánh đế này là pháp ta chưa từng nghe, do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ tập Thánh đế này là pháp ta chưa từng nghe, do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt Thánh đế này là pháp ta chưa từng nghe, do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt đạo Thánh đế này là pháp ta chưa từng nghe, do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh.

Pháp Khổ Thánh đế này là pháp ta chưa từng biết, nay nên biết; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác

sanh. Pháp Khổ tập Thánh đế này là pháp ta chưa từng đoạn trừ, nay nên đoạn trừ; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt Thánh đế này là pháp ta chưa từng chứng, nay nên chứng; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt đạo Thánh đế này là pháp ta chưa từng tu tập, nay nên tu tập; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh.

Pháp Khổ Thánh đế này là pháp ta đã biết cùng khắp, nay không cần biết nữa; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ tập Thánh đế này là pháp ta đã đoạn trừ vĩnh viễn, không cần đoạn trừ nữa; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt Thánh đế này là pháp ta đã tác chứng, nay không cần chứng thêm nữa; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt đạo Thánh đế này là pháp ta đã tu tập, nay không cần tu tập thêm nữa; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh.

Các ông nên biết, trước đây ta chưa tu tập, chưa chứng bốn đế lý này gồm có ba lần chuyển với mười hai hành tướng nên ta chưa được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Ta chưa vượt qua Trời người, Ma, Phạm, các Sa môn, Bà-la-môn...; chưa được giải thoát xuất ly, chưa lìa điên đảo, chưa chứng Chánh trí vô thượng. Nhưng sau khi ta tu tập chứng được bốn đế lý này gồm có ba lần chuyển với mười hai hành tướng, ta liền được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Ta vượt qua Trời người, Ma, Phạm, các Sa môn, Bà-la-môn...; được giải thoát xuất ly, lìa điên đảo và chứng được Chánh trí vô thượng”. Sau khi Phật nói pháp này xong, cụ thọ Kiều-trần-như ngay nơi chỗ ngồi được xa liatrần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh; tám vạn chư thiên ở trong pháp hội này cũng được pháp nhãn. Lúc đó Phật hỏi Kiều-trần-như: “thầy đã thấy pháp và chứng pháp rồi phải không?”, đáp là đã kiến chứng, Phật nói: “cụ thọ Kiều-trần-như đã kiến chứng pháp đầy đủ, do nghĩa này từ nay gọi thầy là A nhã Kiều-trần-như”. Sau khi nghe được pháp này, các Địa hành được xoa đồng thanh nói: “các nhơn giả nên biết, trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư, Thế tôn đã thuyết giảng bốn đế lý này gồm có ba lần chuyển với mười hai hành tướng; không phải là pháp mà các Sa môn, Bà-la-môn, trời người, Ma, Phạm ... có thể chuyển được. Phật nói pháp này khiến cho nhiều người được lợi ích, nhiều người được an lạc. Do nghĩa này thiên chúng tặng thêm, chúng A-tu-la giảm bớt”, các Không hành được xoa cho đến cõi trời Tứ

thiên vương, cõi trời Tam thập tam, trời Diêm ma, cõi trời Đổ-sử-đa, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên, trời A ca ni tra đều cùng một lúc, cùng một sát na, cùng một lạ bà, cùng một mâu hô tức đa đồng thanh nói giống như trên. Cho nên bốn đế lý mà Thế tôn thuyết giảng gồm có ba lần chuyển với mười hai hành tướng này được gọi là kinh Chuyển pháp luân; vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư được gọi là nơi Chuyển pháp luân. Lúc đó Phật lại nói: “có bốn Thánh đế, đó là Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế, Đạo Thánh đế.

Sao gọi là Khổ Thánh đế? Đó là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, Ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ cho đến ngũ thủ uẩn khổ. Các khổ này các thầy nên biết và nên tu tập bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Sao gọi là Tập Thánh đế? Đó là Ái dục khiến phải thọ thân hậu hữu. Để xa lìa Ái, hỉ, tham câu hành với Ái và đủ thứ ưa thích Ái nhiễm, các thầy nên tu tập bát Thánh đạo.

Sao gọi là Diệt Thánh đế? Đó là diệt trừ, hoại diệt, thối dứt, vĩnh viễn xa lìa Ái dục, hỉ, Ái tương ưng phan duyên với đấm nhiễm để được thấy đạo chứng đạo thì các thầy nên tu tập bát Thánh đạo.

Sao gọi là Đạo Thánh đế? Chính là bát Thánh đạo”. Thế tôn nói pháp này xong, A-nhã Kiều-trần-như liền chứng được Lộ tận, tâm được giải thoát; bốn người còn lại được xa lìa trần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh. Lúc đó trên thế gian có hai bậc ứng cúng là Thế tôn và Kiều-trần-như, Phật lại bảo bốn người: “các thầy nên biết, sắc là vô ngã. Nếu sắc có ngã thì không nên sanh các bệnh khổ, có thể ở trong sắc tác sắc và không tác sắc như thế. Vì sắc vô ngã nên sanh các bệnh khổ và ngã không thể tác sắc và không tác sắc như thế. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy nên biết. Ý các thầy nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường?”, đáp là vô thường, Phật lại hỏi: “nếu sắc là vô thường thì đó là khổ hay không khổ?”, đáp là khổ, Phật lại hỏi: “nếu sắc là vô thường, khổ tức là biến hoại thì người đệ tử đa văn có chấp sắc là ngã, ngã có các sắc, sắc thuộc ngã và ngã ở trong sắc hay không?”, đáp là không. Phật lại hỏi: “Ý các thầy nghĩ sao, thọ tưởng hành thức là thường hay vô thường?”, đáp là vô thường, Phật lại hỏi: “nếu thọ tưởng hành thức là vô thường thì đó là khổ hay không khổ?”, đáp là khổ, Phật lại hỏi: “nếu thọ tưởng hành thức là vô thường, khổ tức là biến hoại thì người đệ tử đa văn có chấp thọ... thức là ngã, ngã có thọ... thức, thọ... thức thuộc ngã và ngã ở

trong thọ... thức hay không?”, đáp là không, Phật nói: “vì thế nên biết, các loại sắc quá khứ hay vị lai hay hiện tại hoặc ở trong, ở ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc thù thắng hay hạ liệt, hoặc gần hay xa... đều không phải là ngã, ngã sở hữu, sắc không thuộc ngã và ngã không ở trong sắc. Nhờ biết rõ như thật nên ta thấy sắc như vậy, cho đến thọ tưởng hành thức cũng thấy như vậy. Các thầy nghe biết đầy đủ rồi nên quán năm thủ uẩn để lìa ngã và ngã sở, sau khi quán thấy như vậy sẽ biết rõ thế gian thật sự không nắm bắt được. Do không nắm bắt được nên không lo sợ, do không lo sợ nên bên trong được viên tịch, hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau”. Bốn người nghe xong pháp này, tâm liền được giải thoát, chứng quả A-la-hán; lúc đó trên thế gian có sáu vị A-la-hán, Phật đứng đầu.

Lúc đó Phật đang ở bên bờ sông Ba-la-nại, thành Bà-la-nê-tư; trong thành này có con của một trưởng giả tên là Da-xá, hằng ngày thường cùng các kỹ nữ thọ ngũ dục lạc cho đến khi thân tâm mỗi mệt mới nằm ngủ, các kỹ nữ này cũng nằm ngủ chung quanh. Nửa đêm Da-xá chợt thức giấc, nhìn thấy các kỹ nữ đầu tóc rối tung, áo quần xốc xếch, miệng chảy nước dãi, nói mớ... liền khởi tưởng là mình đang ở trong rừng chứa tử thi. Tâm sanh kinh sợ liền bước tới mang đôi giày báu trị giá trăm ngàn lượng vàng, khi ra đến cửa liền lớn tiếng kêu to, vừa kêu vừa rơi nước mắt như mưa: “bố người ta, khổ đến bức bách tôi”. Lúc đó có một phi nươn làm cho mọi người không nghe thấy tiếng kêu la này của Da-xá rồi mở cửa cổng cho Da-xá đi; ra đến cổng, Da-xá cũng lớn tiếng than khóc như trên, phi nươn cũng làm cho mọi người không nghe thấy tiếng than khóc này và mở cửa thành cho Da-xá đi. Ra khỏi thành đi dần đến bên bờ sông Ba-la-nại, Da-xá cũng cất tiếng kêu than khóc như trên. Lúc đó Phật đang kinh hành bên bờ kia sông, nghe thấy tiếng kêu than này liền nói vọng sang: “đồng tử không phải sợ, hãy lội qua đây”, Da-xá nghe rồi liền cởi giày báu để lại bên bờ này rồi lội qua bờ kia đến chỗ Phật đánh lễ; Phật liền dẫn Da-xá về trú xứ rồi tới ngồi chỗ ngồi của mình, Da-xá lại đánh lễ rồi ngồi xuống đối diện, Phật liền nói diệu pháp, chỉ dạy cho Da-xá được lợi hỉ. Thường pháp của chư Phật là trước tiên nói về pháp bố thí, trì giới là nhân sanh lên cõi trời; kế nói về tội lỗi của năm dục và ca ngợi hạnh xuất gia, sống một mình trong rừng núi để tư duy đoạn trừ phiền não khiến cho người nghe diệu pháp này đều hoan hỉ, tâm thanh tịnh không còn nghi hoặc. Phật biết tâm Da-xá đã được khai mở liền nói về pháp xuất thế, đó là bốn Thánh đế: khổ tập diệt đạo. Giống như giặt áo, trước phải tẩy sạch hết chất dơ,

khi áo đã sạch mới dễ nhuộm màu; tâm Da-xá cũng vậy, nghe xong bốn Thánh đế này liền chứng được quả Dự lưu. Sau khi thấy pháp, biết pháp, được tịnh pháp, vượt khỏi nghi hối, bất tín, không từ nơi người khác mà ở trong đạo quả được vô sở úy. Chứng quả rồi Da-xá rất hoan hỉ liền đứng dậy đánh lễ, quỳ gối chấp tay bạch Phật: “Thế tôn, hôm nay con được thâm nhập diệu pháp được đại lợi ích, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ô-ba-sách-ca. Từ nay cho đến trọn đời con thọ trì năm học xứ là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống rượu”.

Lúc đó vợ của Da-xá thức dậy không thấy Da-xá đâu liền đi tìm kiếm khắp nơi cũng không thấy, liền đến chỗ trưởng giả bạch rằng: “con không biết hiện giờ Da-xá ở đâu”, trưởng giả nghe rồi liền suy nghĩ: “không lẽ con ta bị giặc hay kẻ thù bắt ra ngoài thành làm việc bất lợi hay sao”, nghĩ rồi liền cùng người nhà cầm đuốc đi tìm khắp nơi, cuối cùng đi tới bờ sông liền thấy đôi giày bấu của Da-xá, ông trưởng giả suy nghĩ: “con ta không phải bị giặc bắt đi, nó cởi giày bấu để ở đây thì chắc là đã lội qua bên kia sông”, nghĩ rồi liền lội qua sông và đi dần đến chỗ Phật. Phật từ xa thấy trưởng giả đi tới liền dùng thần lực làm cho trưởng giả tụt vào tời chỗ Phật vẫn không thấy Da-xá ngồi bên Phật. Trưởng giả đánh lễ Phật rồi hỏi: “Thế tôn có thấy Da-xá con tôi đến đây không?”, Phật nói: “ông hãy ngồi xuống, lát nữa sẽ được gặp con”, trưởng giả nghe rồi tâm sanh hoan hỉ liền đánh lễ Phật rồi ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ. Trước nói về pháp bố thí trì giới là nhân được sanh lên cõi trời... khiến cho trưởng giả chứng được quả Dự lưu, còn Da-xá liền chứng quả A-la-hán, lúc đó trên người vẫn còn mặc y phục thế tục với đồ trang sức bằng các loại trân bảo. Lúc đó ở thế gian có bảy vị A-la-hán, Phật đứng đầu ; Phật thu nhiếp thần lực và nói kệ:

*“Điều phục tịch tĩnh, trì tịnh giới,
Thường dùng diệu pháp tự trang nghiêm,
Không khởi tâm giết hại hữu tình,
Là hạnh của Bỉ-sô, Sa môn”.*

Lúc đó trưởng giả liền thấy Da-xá đang ngồi trước Phật, ông nói với Da-xá: “con hãy cùng ta về nhà, vì nhớ con mà mẹ con khóc than thảm thiết”, Phật bảo trưởng giả: “ý ông nghĩ sao, có người nào được trí Vô học, kiến chứng lý Tứ đế mà còn trở về nhà thế tục nữa hay không?”, đáp là không, Phật lại hỏi: “hiện nay ông đã được trí Hữu học và kiến chứng lý Tứ đế chưa?”, đáp là đã được, Phật nói: “đồng

tử Da-xá này đã được trí Vô học và kiến chứng lý Tứ đế”, trưởng giả nói: “con của con đã được đại quả lợi. Thế tôn, con xin thỉnh Thế tôn và Da-xá ngày mai đến nhà con thọ thỉnh thực”, Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, trưởng giả đánh lễ Phật rồi trở về nhà. Sáng hôm sau đến giờ, Phật đắp y mang bát cùng Da-xá đến nhà trưởng giả, mẹ và vợ của Da-xá trải tòa ngồi rồi ra đứng ở cửa nghinh đón, thấy Phật và Da-xá đến liền thỉnh Phật ngồi, cả hai đến đánh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật liền nói diệu pháp chỉ dạy khiến cho cả hai được lợi hỉ. Trước tiên Phật nói về pháp bố thí trì giới... cho đến cả hai đều chứng quả Dự lưu. Chứng quả rồi mẹ và vợ của Da-xá rất hoan hỉ liền đứng dậy đánh lễ, quỳ gối chắp tay bạch Phật: “Thế tôn, hôm nay con được thâm nhập diệu pháp được đại lợi ích, con xin trọn đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và thọ trì năm học xứ làm Ô-ba-tư-ca. Cúi xin Phật thọ con thỉnh thực hôm nay”, Thế tôn im lặng nhận lời. Mẹ và vợ của Da-xá liền tự tay dọn lên các thức ăn uống thượng diệu trên một bàn ăn bằng gỗ Đàn hương để cúng dường Phật và Da-xá. Sau khi Phật thọ thực xong, họ ngồi một bên nghe Phật thuyết pháp, Phật lại vì họ thuyết pháp rồi ra về.

Lúc đó các Trưởng giả ở thành Bà-la-nê-tư đều nghe tin Da-xá, con của trưởng giả thứ nhất đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục xuất gia làm đệ tử của Phật. Con của trưởng giả thứ hai là Phú lâu na, con của trưởng giả thứ ba là Vô cấu, con của trưởng giả thứ tư là Kiền phạm ba đề, con của trưởng giả thứ năm là Diệu kiên; sau khi nghe tin Da-xá xuất gia, họ đều suy nghĩ: “đồng tử Da xa sanh trong nhà phú quý, giàu có nhiều trân bảo, thân tướng đoan nghiêm, ưa thích thọ ngũ dục lạc mà còn bỏ sở thích của mình để làm đệ tử Phật, chứng tỏ Như lai có oai lực lớn và pháp của Phật vi diệu. Ta cũng nên cạo bỏ râu tóc xuất gia cầu thắng pháp”, nghĩ rồi cùng nhau đi đến chỗ Phật, đánh lễ rồi bạch Phật: “Thế tôn, xin ban cho chúng con diệu pháp, chúng con xin được xuất gia làm đệ tử và sẽ phụng trì phạm hạnh theo lời dạy của Như lai”, Phật bảo: “các con đến thật đúng lúc, thiện lai các Bí-sô, hãy xuất gia tu phạm hạnh”, Phật vừa nói xong, râu tóc của các trưởng giả tử này đều tự rụng, ca-sa hiện trên thân trở thành Bí-sô, giống như người đã được xuất gia bảy ngày, sự hiểu biết về pháp cũng giống như Bí-sô trăm tuổi. Lúc đó Phật bảo bốn Bí-sô này: “các thầy phải một mình ở nơi tịch tĩnh, xa lìa ồn náo, thường giữ tự tâm siêng tu khổ hạnh. Nay đã xuất gia nên siêng tu phạm hạnh để cầu qua đến bờ kia, chứng được Chánh trí, đạt được thần thông, hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã

xong, không thọ thân sau. Người nào tu tập như vậy sẽ chứng quả Vô sanh”, bốn Bì-sô nghe Phật dạy xong liền ngộ giải và chứng quả A-la-hán; lúc đó trong thế gian có tất cả mười một A-la-hán, Phật đứng đầu.

Trong thành Bà-la-nê-tư có năm mươi gia đình hào phú, sau khi nghe tin con của năm đại trưởng giả đều đã xuất gia và đều đã chứng quả A-la-hán; họ liền suy nghĩ: “pháp Phật vi diệu mới khiến cho con của năm đại trưởng giả đều từ bỏ gia đình giàu sang mà đi xuất gia, ta cũng nên xuất gia làm đệ tử Phật”, nghĩ rồi liền cùng đi đến chỗ Phật, đánh lễ rồi bạch Phật: “Thế tôn, cúi xin cho chúng con được ở trong thiện pháp xuất gia tu phạm hạnh”, Phật nói: “thiện lai các Bì-sô, hãy xuất gia tu phạm hạnh”, Phật vừa nói xong, râu tóc của các trưởng giả tử này đều tự rụng, ca-sa hiện trên thân trở thành Bì-sô, giống như người đã được xuất gia bảy ngày, sự hiểu biết cũng giống như Bì-sô trăm tuổi. Lúc đó Phật bảo các Bì-sô này: “các thầy phải một mình ở nơi tịch tĩnh, xa lìa ồn náo, thường giữ tự tâm siêng tu khổ hạnh. Nay đã xuất gia nên siêng tu phạm hạnh để cầu qua đến bờ kia, chứng được Chánh trí, đạt được thần thông, hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau. Người nào tu tập như vậy sẽ chứng quả Vô sanh”, năm mươi Bì-sô này nghe Phật dạy xong liền ngộ giải và chứng quả A-la-hán; lúc đó trong thế gian có tất cả sáu mươi một A-la-hán, Phật đứng đầu. Lúc đó Phật ở trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhưm đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư, đang cùng sáu mươi Bì-sô ngồi vây quanh, Phật bảo các Bì-sô: “ta và các thầy đều đã được giải thoát khỏi sự trói buộc trong cõi Trời người. Từ nay các thầy nên mỗi người tùy đi đến một phương để làm lợi ích cho các chúng sanh; các thầy nên đi riêng, chớ đi chung, ta cũng sẽ đến tụ lạc Ưu lâu tần loa”, ma vương nghe được lời này của Phật liền suy nghĩ: “Sa môn Kiều-đáp-ma sẽ đi đến tụ lạc Ưu lâu tần loa, ta nên gây chướng ngại cho ông ta”, nghĩ rồi liền hóa thành một thanh niên đến trước Phật nói kệ:

*“Ông chưa được giải thoát,
Mà tưởng là giải thoát,
Ông còn trong trói buộc,
Không thể thoát khỏi ta”.*

Phật nghe rồi liền biết là Ma vương đang muốn nhiễu loạn nên nói kệ:

*“Ta đã giải thoát khỏi,
Trói buộc trong Trời người,
Kẻ tội lỗi nên biết,*

Ta đã chế phục người”.

Ma vương nghe rồi liền biết Phật đã biết được tâm mình nên ưu sầu hối hận bỏ đi. Phật lại bảo các Bí-sô: “ta và các thầy đều đã được giải thoát khỏi sự trói buộc trong cõi Trời người. Từ nay các thầy nên mỗi người tùy đi đến một phương để làm lợi ích cho các chúng sanh; các thầy nên đi riêng, chớ đi chung, ta cũng sẽ đến tụ lạc Ưu lâu tần loa”, các Bí-sô vâng lời Phật dạy đều lặng lẽ ra đi. Phật một mình đi đến tụ lạc Ưu lâu tần loa, thành Bà-la-nê-tư, vào trong rừng Bạch điệp ngồi tĩnh lặng dưới một gốc cây. Lúc đó có sáu mươi Hiền bộ ở ngoài tụ lạc thường hẹn với các kỹ nữ để cùng vui chơi hoan lạc, trong số đó có một kỹ nữ bỏ đi nên họ bủa ra đi tìm. Khi đi tới rừng Bạch điệp, họ thấy Thế tôn đang ngồi dưới một gốc cây, dung mạo đoan nghiêm, các căn tịch tĩnh, thân sắc vàng với ánh sáng thù diệu khiến người vừa nhìn liền phát tâm thanh tịnh. Họ đến hỏi Phật có thấy một người nữ không, Phật hỏi: “người nữ đó với các vị thân thuộc như thế nào?”, họ đem việc trên kể lại, Phật nói: “ý các vị nghĩ sao, đi tìm người nữ là thiết yếu hay tìm lại chính mình mới là thiết yếu?”, liền đáp tìm lại chính mình mới là thiết yếu, Phật nói: “vậy thì hãy ngồi xuống và lắng nghe diệu pháp”. Sáu mươi Hiền bộ đến chỗ Phật đánh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ. Thường pháp của chư Phật là trước tiên nói về pháp bố thí, trì giới là nhân sanh lên cõi trời; kế nói về tội lỗi của năm dục và ca ngợi hạnh xuất gia, sống một mình trong rừng núi để tư duy đoạn trừ phiền não khiến cho người nghe diệu pháp này đều hoan hỉ, tâm thanh tịnh không còn nghi hoặc. Phật biết tâm họ đã được khai mở liền nói về pháp xuất thế, đó là bốn Thánh đế : khổ tập diệt đạo. Giống như giặt áo, trước phải tẩy sạch hết chất dơ, khi áo đã sạch mới dễ nhuộm màu; tâm của sáu mươi Hiền bộ này cũng vậy, vừa nghe xong bốn Thánh đế này liền chứng được quả dự lưu. Sau khi thấy pháp, biết pháp, được tịnh pháp, vượt khỏi nghi hối, bất tín, không từ nơi người khác mà ở trong đạo quả được vô sở úy. Chứng quả rồi, sáu mươi Hiền bộ này rất hoan hỉ liền đứng dậy đánh lễ, quỳ gối chấp tay bạch Phật: “Thế tôn, hôm nay chúng con được thâm nhập diệu pháp được đại lợi ích, chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ô-ba-sách-ca. Từ nay cho đến trọn đời con thọ trì năm học xứ là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống rượu”, nói xong liền đánh lễ Phật rồi ra về.

Đêm đã qua, trời vừa sáng Phật đắp y vào thôn Đa quán, Phật suy nghĩ nên nói pháp cho ai nghe trước tiên, liền nghĩ đến hai cô con gái

của chủ thôn tên là Hoan hỉ và Hoan hỉ lực, trước kia khi Phật sắp từ bỏ lối tu khổ hạnh, hai cô gái này đã cúng dường cháo sữa, tô và mật, giúp Phật hồi phục lại sức khỏe. Nghĩ rồi liền đi đến nhà của chủ thôn, hai cô gái từ xa thấy Phật liền trái tòa ngồi rồi ra nghinh đón Phật mời ngồi, Phật đến tòa ngồi, hai cô gái đánh lễ rồi đứng một bên, Phật vì nói diệu pháp khiến họ được lợi ích... cho đến được vô sở úy. Hai cô gái đánh lễ Phật, quỳ gối chấp tay bạch Phật: “Thế tôn, chúng con đã thâm nhập diệu pháp, được đại lợi ích, từ nay chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ưu ba tư ca. Hôm nay xin Thế tôn thương xót thọ chúng con cúng dường”. Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, hai cô gái liền trái bàn ăn, dọn lên các thức ăn uống thơm ngon để cúng dường Phật, Phật rửa tay chân rồi như pháp ngồi thọ thực, thọ thực xong rửa tay thu bát, hai cô gái đánh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật lại vì nói pháp chú nguyện khiến họ được lợi ích rồi đi. Khi sắp ra khỏi thôn, Phật suy nghĩ: “ở nước Ma-yết-đà này có Bà-la-môn ngoại đạo nào được tôn trọng, sau khi nghe pháp của ta sanh tín kính sẽ khiến cho nhiều người vào trong giáo pháp của ta”, lúc đó có ngoại đạo tên Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp đã được một trăm hai mươi tuổi, ông có năm trăm đệ tử cùng tu khổ hạnh trong rừng bên cạnh sông Ni-liên-thiền. Phật suy nghĩ: “ngoại đạo này được người trong nước Ma-yết-đà cung kính tôn trọng, xem như là thắng phước điền A-la-hán, ta nên đến chỗ đó nói diệu pháp khiến cho nhiều người được lợi ích thù thắng”, nghĩ rồi liền đi đến chỗ Ca-diếp. Từ xa thấy Phật đi đến, Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp liền trái tòa mời ngồi và chào hỏi thiện lai, sau khi chào hỏi xong, Phật nói với Ca-diếp: “nhân giả là bậc tôn trọng, có thể cho tôi ở một chỗ trong thạch thất thờ lửa này ngủ qua đêm được không?”, Ca-diếp nói: “tôi không phải là bậc tôn trọng, chỉ vì bên trong thạch thất thờ lửa này có con độc long, sợ nó làm hại Sa môn”, Phật nói: “cứ cho tôi ở lại, độc long sẽ không làm hại tôi đâu”, Ca-diếp nói: “nếu vậy thì Sa môn cứ tùy ý ở lại”. Đầu đêm Phật rửa tay chân rồi vào trong thạch thất thờ lửa, trái cỏ ngồi kiết già, chánh niệm không loạn động; độc long nhìn thấy Phật liền nổi giận phun khói độc, Phật dùng thần thông lực phun khói ngăn khói độc kia; độc long càng tức giận, toàn thân phát ra lửa, Phật nhập Hỏa quang tam muội, toàn thân cũng phát ra lửa để điều phục độc long, khiến cho trong thạch thất rực lửa. Nửa đêm, Ca-diếp ra ngoài quan sát tinh tú, thấy thạch thất thờ lửa rực lửa liền nghĩ: “Sa môn Kiều-đáp-ma dung mạo đoan chánh, nhưng khổ thay vì không nghe lời ta nên bị độc long thiêu cháy thành tro rồi”, nghĩ rồi liền bảo các đệ tử đem nước đến dập

tất lửa để cứu Sa môn. Lúc đó Phật biết tâm niệm của Ca-diếp liền suy nghĩ: “để điều phục độc long, ta nên nhập tam muội phát ra đủ loại lửa để diệt trừ lửa của độc long mà không làm cho thân nó bị tổn hại”, nghĩ rồi liền nhập định, độc long thấy các loại lửa này liền sợ hãi, chạy đến chỗ Phật rồi chui vào trong bát, cuộn thân nằm yên. Biết rằng đã được điều phục, Phật xuất định rồi ôm bát đến gặp Ca-diếp, Ca-diếp vừa nhìn thấy liền hỏi: “Sa môn vẫn còn sống sao?”, đáp là vẫn bình an, lại hỏi: “vật gì ở trong bát của Sa môn?”, Phật nói: “đây là độc long mà ông sợ, nó đã được điều phục và đang nằm trong bát”, Ca-diếp thấy rồi liền suy nghĩ: “tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán”.

Lúc đó Phật ở trong rừng cây gần chỗ của Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp tu đạo, năm trăm Ma-nạp-bà là đệ tử của ca-diếp, mỗi người trông coi ba đàn thờ lửa, tổng cộng có một ngàn năm trăm đàn thờ lửa. Vào đầu đêm họ muốn đốt lửa cúng tế nhưng lửa không cháy, liền đến bạch thầy: “chúng con muốn đốt lửa cúng tế nhưng lửa không cháy”, Ca-diếp nghe rồi liền suy nghĩ: “há chẳng phải do oai lực của Sa môn ở gần trú xứ của ta nên khiến cho lửa không cháy”, nghĩ rồi liền đến nói với Phật: “Sa môn nên biết, năm trăm đệ tử của tôi muốn đốt lửa cúng tế nhưng lửa không cháy, tôi nghĩ là do oai lực của Sa môn nên khiến lửa không cháy”, Phật hỏi: “ông muốn lửa cháy phải không?”, đáp là muốn lửa cháy. Vừa nói xong, nhờ thần lực của Phật nên lửa ở các đàn thờ lửa đều bừng cháy, Ca-diếp thấy rồi liền suy nghĩ: “tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán”. Sau khi cúng tế xong, các đệ tử của Ca-diếp muốn dập tắt lửa cúng tế nhưng không thể dập tắt được, liền đến bạch thầy: “chúng con muốn dập tắt lửa cúng tế nhưng không thể dập tắt được”, Ca-diếp nghe rồi liền suy nghĩ: “há chẳng phải do oai lực của Sa môn ở gần trú xứ của ta nên khiến cho không dập tắt được lửa”, nghĩ rồi liền đến nói với Phật: “Sa môn nên biết, năm trăm đệ tử của tôi muốn dập tắt lửa cúng tế nhưng không thể dập tắt được, tôi nghĩ là do oai lực của Sa môn nên khiến không dập tắt được lửa”, Phật hỏi: “ông muốn dập tắt lửa phải không?”, đáp là muốn dập tắt lửa. Vừa nói xong, nhờ thần lực của Phật nên lửa ở các đàn thờ lửa đều tắt hết; Ca-diếp thấy rồi liền suy nghĩ: “tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán”.

Vào một thời khác, Ca-diếp đích thân muốn đốt lửa cúng tế nhưng lửa không cháy, liền suy nghĩ: “há chẳng phải do oai lực của Sa môn ở gần trú xứ của ta nên khiến cho lửa không cháy”, nghĩ rồi liền đến nói

với Phật: “Sa môn nên biết, tôi đích thân muốn đốt lửa cúng tế nhưng lửa không cháy, tôi nghĩ là do oai lực của Sa môn nên khiến lửa không cháy”, Phật hỏi: “ông muốn lửa cháy phải không?”, đáp là muốn lửa cháy. Vừa nói xong, nhờ thần lực của Phật nên lửa ở đàn thờ lửa đột nhiên bùng cháy ; Ca-diếp thấy rồi liền suy nghĩ: “tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán” .

